

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	Thiết kế thời trang	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14)
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01)
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D04); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D04)
4	7220204LK	Ngôn ngữ Trung Quốc (LK2+2 với ĐHKHKT Quảng Tây)	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	30	- Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D04); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D04)
5	7220209	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Ngôn ngữ Nhật	70	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
						(Tổ hợp D01, D06); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D06)
6	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	70	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, DD2); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, DD2)
7	7229020	Ngôn ngữ học	7229020	Ngôn ngữ học	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14)
8	7310104	Kinh tế đầu tư	7310104	Kinh tế đầu tư	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
9	7310612	Trung Quốc học	7310612	Trung Quốc học	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D04); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D04)
10	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	300	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);
11	73401012	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
12	7340115	Marketing	7340115	Marketing	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);
13	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	180	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);
14	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	600	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
15	7340301TA	Kế toán (CTĐT bằng tiếng Anh)	7340301	Kế toán	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);
16	7340302	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);
17	7340404	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
18	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);
19	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
20	7480101TA	Khoa học máy tính (CTĐT bằng tiếng Anh)	7480101	Khoa học máy tính	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00,

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
						A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
21	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	70	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
22	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	240	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
23	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
24	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	140	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
25	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	360	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
26	74802012	Công nghệ đa phương tiện	7480201	Công nghệ thông tin	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
27	74802021	An toàn thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
28	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	360	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
29	7510201TA	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CTĐT bằng tiếng Anh)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
30	75102012	Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
31	75102013	Thiết kế cơ khí và kiểu dáng công nghiệp	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
32	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	300	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
33	75102032	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
34	75102033	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử ô tô	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
35	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	360	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
36	7510205TA	Công nghệ kỹ thuật ô tô (CTĐT bằng tiếng Anh)	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
37	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
38	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	420	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
39	7510301TA	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CTĐT bằng tiếng Anh)	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
40	75190071	Năng lượng tái tạo	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
41	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	480	- Phương thức (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
42	7510302TA	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (CTĐT bằng tiếng Anh)	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
43	75103021	Công nghệ kỹ thuật điện tử y sinh	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
44	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	300	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
45	75103031	Kỹ thuật sản xuất thông minh	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
46	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	210	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
47	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, B00, C02,

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
						D07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07)
48	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X25); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X25);
49	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
50	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, A01, X06; X07)
51	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07)
52	7540203	Công nghệ vật liệu dệt, may	7540203	Công nghệ vật liệu dệt, may	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X27);

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
						- Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X27); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X27);)
53	7540204	Công nghệ dệt, may	7540204	Công nghệ dệt, may	180	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, X27); - Phương thức 3 (Tổ hợp A01, D01, X27); - Phương thức 4 (Tổ hợp A01, D01, X27);
54	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07); - Phương thức 3 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07); - Phương thức 5 (Tổ hợp A00, B00, C02, D07)

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
55	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	140	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15);
56	7810101TA	Du lịch (CTĐT bằng tiếng Anh)	7810101	Du lịch	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15);
57	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	130	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15);

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
58	7810103TA	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CTĐT bằng tiếng Anh)	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15);
59	7810201	Quản trị khách sạn	7810201	Quản trị khách sạn	130	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15);
60	7810201TA	Quản trị khách sạn (CTĐT bằng tiếng Anh)	7810201	Quản trị khách sạn	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15);

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
61	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15)
62	7810202TA	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (CTĐT bằng tiếng Anh)	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp TT1); - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 3 (Tổ hợp D01, D14, D15); - Phương thức 4 (Tổ hợp D01, D14, D15);
	Tổng cộng				7.990	

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo